

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	15
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	16 - 40

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 123/GP-UBCK, do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation, Hàn Quốc (Công ty mẹ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên (HĐTV) của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Chung Whan	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
Ông Chung Whan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
Ông Jeong Man Ki	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
Ông Jeong Man Ki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017
Ông Jeong Donyeong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Kwon Hyuk Jun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Han Bok Hee	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Trương Huy Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2016

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Jeong Man Ki	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2016
Ông Kang Sang In	Giám đốc Khối Văn phòng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Nhật Linh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm tạm thời ngày 27 tháng 10 năm 2016 Bổ nhiệm chính thức ngày 1 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là ông Jeong Man Ki, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Người ký báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty là ông Kang Sang In, Giám đốc Khối Văn phòng, theo ủy quyền của ông Jeong Man Ki ký ngày 31 tháng 5 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

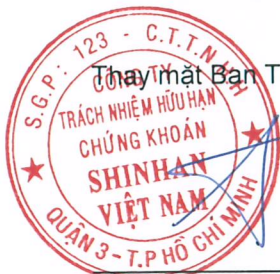
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Kang Sang In
Thừa ủy quyền theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61281867/19517568-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính giữa niên độ, theo đó tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn chủ sở hữu của Công ty là 127.465.920.200 đồng, thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định hiện hành đối với Công ty là 135.000.000.000 đồng do phát sinh lỗ lũy kế. Ngày 20 tháng 3 năm 2017, Công ty đã thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án xử lý theo hướng trình chủ sở hữu phương án tăng vốn, đồng thời đẩy mạnh thực hiện kế hoạch kinh doanh nhằm tăng doanh thu để đảm bảo giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định như được quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung cho Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã trình chủ sở hữu phương án tăng vốn như đã báo cáo và đang chờ chủ sở hữu phê duyệt.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 - Thay đổi trong các chính sách kế toán. Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015") với hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, khi xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể được xác định lại một cách đáng tin cậy. Công ty đã áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở phi hồi tố.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ (phân loại lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		102.245.890.864	109.428.566.995
110	I. Tài sản tài chính		101.851.751.276	109.272.662.744
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.446.477.361	5.859.064.386
111.1	1.1. Tiền		3.446.477.361	1.859.064.386
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		-	4.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6	97.079.939.183	100.638.353.650
117	3. Các khoản phải thu	7	1.023.259.861	2.761.801.457
117.4	3.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.023.259.861	2.761.801.457
119	4. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	289.723.179	-
122	5. Các khoản phải thu khác		12.351.692	13.443.251
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		394.139.588	155.904.251
133	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	394.139.588	155.904.251
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.940.690.700	27.805.011.458
220	I. Tài sản cố định		24.686.385.675	26.531.044.545
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.937.828.385	13.979.615.645
222	1.1. Nguyên giá		20.961.626.429	20.961.626.429
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(8.023.798.044)	(6.982.010.784)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	11.748.557.290	12.551.428.900
228	2.1. Nguyên giá		14.496.285.600	14.496.285.600
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.747.728.310)	(1.944.856.700)
250	II. Tài sản dài hạn khác		1.254.305.025	1.273.966.913
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	965.767.500	959.767.500
252	2. Chi phí trả trước dài hạn		38.462.467	64.124.365
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	250.075.058	250.075.048
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		128.186.581.564	137.233.578.453

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ (phân loại lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		720.661.364	2.527.163.364
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		720.661.364	2.527.163.364
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		5.677.412	1.045.634
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		-	1.740.400.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	691.567.252	318.055.705
323	4. Phải trả người lao động		-	188.720.312
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	13.002.800
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	257.242.213
326	7. Phải trả nội bộ ngắn hạn		8.696.700	8.696.700
327	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		14.720.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		127.465.920.200	134.706.415.089
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	127.465.920.200	134.706.415.089
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		146.000.000.000	146.000.000.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		146.000.000.000	146.000.000.000
417	2. Lỗ lũy kế		(18.534.079.800)	(11.293.584.911)
417.1	2.1. Lỗ đã thực hiện		(18.533.110.101)	(11.293.277.207)
417.2	2.2. Lỗ chưa thực hiện		(969.699)	(307.704)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		128.186.581.564	137.233.578.453

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
005	Ngoại tệ các loại		2.125.861.862	-
	A.TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT (số lượng chứng khoán)			
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán		195	202
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (VND)			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư	16.1	94.751.540.000	63.125.250.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		34.750.840.000	3.125.250.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		60.000.000.000	60.000.000.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		700.000	-
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư	16.2	4.150.000	10.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		4.150.000	10.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	16.3	15.000.000	300.000

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	Tiền gửi của khách hàng	16.4	243.967.110	407.596.463
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	16.4	186.613.610	403.768.463
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	16.4	57.353.500	3.828.000
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		-	3.828.000
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		57.353.500	-
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	16.5	239.732.770	403.362.123
031.1	- Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		20.152.239	22.555.805
031.2	- Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		219.580.531	380.806.318
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	16.5	4.234.340	4.234.340

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Kang Sang In
Thừa ủy quyền theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		2.595.146.800	2.211.235.951
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		91.404	-
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		275.954	-
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	17	2.594.779.442	2.211.235.951
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		-	486.562
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		49.034.248	31.646.864
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		16.480.072	156.737
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	18	2.658.448.431	-
11	6. Thu nhập hoạt động khác		10	-
20	Cộng doanh thu hoạt động		5.319.109.561	2.243.526.114
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		-	(348.600)
21.2	1.1 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		-	(348.600)
27	2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	19	(2.916.134.103)	(1.361.584.116)
30	3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(16.555.473)	(20.590.628)
31	4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	20	(857.862.843)	-
32	5. Chi phí hoạt động khác		(71.500)	(92.500)
40	Cộng chi phí hoạt động		(3.790.623.919)	(1.382.615.844)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu lãi tiền gửi không có định		3.410.960	-
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		3.410.960	-
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái		(84.154.340)	(5.306.178)
60	Cộng chi phí tài chính		(84.154.340)	(5.306.178)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	21	(8.688.238.082)	(9.022.247.644)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(7.240.495.820)	(8.166.643.552)
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		933	39.272.927
72	2. Chi phí khác		(2)	(2.478.645)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		931	36.794.282
90	VIII. LỖ TRƯỚC THUẾ		(7.240.494.889)	(8.129.849.270)
91	1. Lỗ đã thực hiện		(7.239.525.190)	(8.129.500.670)
92	2. Lỗ chưa thực hiện		(969.699)	(348.600)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	22	-	-
200	X. LỖ SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		(7.240.494.889)	(8.129.849.270)
400	TỔNG LỖ TOÀN DIỆN		(7.240.494.889)	(8.129.849.270)

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kang Sang In
Thừa ủy quyền theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (phân loại lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.240.494.889)	(8.129.849.270)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		3.583.200.466	867.883.228
03	Khấu hao tài sản cố định		1.844.658.870	2.040.708.228
08	Dự thu tiền lãi		1.738.541.596	(1.172.825.000)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		-	348.600
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		-	348.600
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(275.954)	-
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(275.954)	-
30	Thay đổi vốn lưu động		1.244.983.352	(76.765.384.218)
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		3.558.690.421	(67.600.484.000)
33	Tăng các khoản cho vay		-	(2.525.882)
37	Tăng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(289.723.179)	-
39	Giảm các khoản phải thu khác		1.091.559	10.247.107
40	Tăng các tài sản khác		(6.000.010)	(1.290.662.184)
41	Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(257.242.213)	-
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(212.573.439)	493.829.392
45	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(1.735.768.222)	37.843.710
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(13.002.800)	-
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước		373.511.547	292.776.707
48	Giảm phải trả người lao động		(188.720.312)	-
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		14.720.000	(8.706.409.068)
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(2.412.587.025)	(84.027.001.660)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	(2.605.033.200)
70	Tiền sử dụng vào hoạt động đầu tư		-	(2.605.033.200)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (phân loại lại) VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	8.955.149.867
80	Tiền từ hoạt động tài chính		-	8.955.149.867
90	GIẢM TIỀN THUẬN TRONG KỲ		(2.412.587.025)	(77.676.884.993)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	4	5.859.064.386	95.729.662.402
101.1	Tiền		1.859.064.386	93.329.662.402
101.2	Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	2.400.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	4	3.446.477.361	18.052.777.409
103.1	Tiền		3.446.477.361	8.052.777.409
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03b-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		10.809.409.200	2.198.985.000
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(15.843.396.700)	(2.384.472.500)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		4.870.358.147	277.217.133
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ		(163.629.353)	91.729.633
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	16.4	407.596.463	98.489.453
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		403.768.463	98.489.453
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.828.000	-
	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	16.4	243.967.110	190.219.086
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		186.613.610	189.930.399
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		57.353.500	288.687

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kang Sang In
Thừa ủy quyền theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

B04a-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ (VND)		Thay đổi trong kỳ (VND)				Số dư cuối kỳ (VND)	
	Ngày 01/01/2016	Ngày 01/01/2017	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30/06/2016	Ngày 30/06/2017
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	140.000.000.000	146.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	146.000.000.000	146.000.000.000
- Vốn pháp định	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn bổ sung	5.000.000.000	11.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
2. Lũy kế	-	(11.293.584.911)	2.955.149.867	(8.129.849.270)	-	(7.240.494.889)	(5.174.699.403)	(18.534.079.800)
Tổng cộng	140.000.000.000	134.706.415.089	8.955.149.867	(8.129.849.270)	-	(7.240.494.889)	140.825.300.597	127.465.920.200

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



Người phê duyệt:

Ông Kang Sang In
Thừa ủy quyền theo pháp luật

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 123/GP-UBCK, do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation, Hàn Quốc (Công ty mẹ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 22, tòa nhà Centec, số 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 18 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 146.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là: 127.465.920.200 VND, tổng tài sản là: 128.174.229.872 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là sử dụng vốn hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận; phát triển công ty ngày càng lớn mạnh; đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và các hoạt động cộng đồng nhằm hướng đến mục tiêu chung phát triển bền vững và thịnh vượng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 ***Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 146/2014/TT-BTC (Thông tư 146) ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư 210, Thông tư 334 và Thông tư 146 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán giữa niên độ*

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (Luật Kế toán mới). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)*

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Thay đổi trong giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trong kỳ.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngay khi phát sinh.

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3.4 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ - Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

3.6 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí quản lý" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Máy móc, thiết bị	8 năm
Thiết bị văn phòng	8 năm
Phần mềm tin học	8 năm
Tài sản vô hình khác	8 năm

3.9 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ chín (9) tháng đến bốn (4) năm vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Lợi ích của nhân viên*

3.12.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp nghỉ hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp nghỉ hưu này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% (đến ngày 31 tháng 5 năm 2017) và 17,5% (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017) lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.12.2 *Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ Công ty mẹ được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo quyết định của chủ sở hữu.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số dư cuối kỳ</i> VND	<i>Số dư đầu kỳ</i> VND
Tiền	3.446.477.361	1.859.064.386
Tiền mặt tại quỹ	13.400.600	-
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	3.433.076.761	1.859.064.386
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	4.000.000.000
	3.446.477.361	5.859.064.386

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng</i> <i>giao dịch thực hiện</i> <i>trong kỳ</i> <i>(đơn vị)</i>	<i>Giá trị</i> <i>giao dịch thực hiện</i> <i>trong kỳ</i> <i>(VND)</i>
a. Cửa Công ty		
- Cổ phiếu	13	323.700
b. Cửa nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	1.850.673	26.652.805.900
	1.850.686	26.653.129.600

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

	Số dư cuối kỳ			Số dư đầu kỳ (phân loại lại)		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đánh giá lại VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam	77.076.541.875	77.076.541.875	77.076.541.875	80.635.000.000	80.635.000.000	80.635.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.000.000.000 3.429.058	20.000.000.000 3.397.308	20.000.000.000 3.397.308	20.000.000.000 3.661.354	20.000.000.000 3.417.296	20.000.000.000 3.353.650
Cổ phiếu niêm yết	97.079.970.933	97.079.939.183	97.079.939.183	100.638.661.354	100.638.417.296	100.638.353.650

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng và được hưởng lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,8%/năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		
Dự thu lãi tiền gửi	<u>1.023.259.861</u>	<u>2.761.801.457</u>

8. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Phải thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động	285.090.000	-
Phải thu phí dịch vụ khác	4.633.179	-
	<u>289.723.179</u>	<u>-</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Phí cung cấp thông tin, duy trì kết nối, sử dụng thiết bị đầu cuối cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	141.000.000	-
Phí cung cấp thông tin, duy trì kết nối, sử dụng thiết bị đầu cuối cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	94.000.000	-
Phí thuê bao dữ liệu qua phần mềm FiinPro Platform	81.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	78.139.588	155.904.251
	<u>394.139.588</u>	<u>155.904.251</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong kỳ hiện hành như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.289.081.100	10.021.776.992	9.650.768.337	20.961.626.429
Số dư cuối kỳ	1.289.081.100	10.021.776.992	9.650.768.337	20.961.626.429
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	773.448.660	1.637.800.397	4.570.761.727	6.982.010.784
Khấu hao trong kỳ	64.454.058	616.431.252	360.901.950	1.041.787.260
Số dư cuối kỳ	837.902.718	2.254.231.649	4.931.663.677	8.023.798.044
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	515.632.440	8.383.976.595	5.080.006.610	13.979.615.645
Số dư cuối kỳ	451.178.382	7.767.545.343	4.719.104.660	12.937.828.385

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 3.788.205.107 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.788.205.107 VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong kỳ hiện hành như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất VND</i>	<i>Phần mềm tin học VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	314.420.000	14.097.665.600	84.200.000	14.496.285.600
Số cuối kỳ	314.420.000	14.097.665.600	84.200.000	14.496.285.600
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	1.860.656.700	84.200.000	1.944.856.700
Hao mòn trong kỳ	-	802.871.610	-	802.871.610
Số dư cuối kỳ	-	2.663.528.310	84.200.000	2.747.728.310
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	314.420.000	12.237.008.900	-	12.551.428.900
Số dư cuối kỳ	314.420.000	11.434.137.290	-	11.748.557.290

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.318.136.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.318.136.000 VND).

12. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	839.767.500	839.767.500
Đặt cọc thuê nhà	126.000.000	120.000.000
	965.767.500	959.767.500

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	130.075.058	130.075.048
	250.075.058	250.075.048

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Phát sinh trong kỳ</i>			<i>Số dư cuối kỳ</i> VND
	<i>Số dư đầu kỳ</i> VND	<i>Số phải nộp</i> VND	<i>Số đã nộp</i> VND	
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	313.626.408	964.204.178	(701.809.219)	576.021.367
Thuế giá trị gia tăng	-	111.042.642	-	111.042.642
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	4.429.297	23.834.987	(25.142.878)	3.121.406
Thuế nhà thầu	-	38.846.173	(37.464.336)	1.381.837
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Tổng cộng	318.055.705	1.140.927.980	(767.416.433)	691.567.252

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số dư cuối kỳ</i> VND	<i>Số dư đầu kỳ</i> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	146.000.000.000	146.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	146.000.000.000	146.000.000.000
Lỗ lũy kế	(18.534.079.800)	(11.293.584.911)
Lỗ đã thực hiện	(18.533.110.101)	(11.293.277.207)
Lỗ chưa thực hiện	(969.699)	(307.704)
	127.465.920.200	134.706.415.089

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn chủ sở hữu của Công ty là 127.465.920.200 đồng, thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định hiện hành đối với Công ty là 135.000.000.000 đồng do phát sinh lỗ lũy kế. Ngày 20 tháng 3 năm 2017, Công ty đã thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án xử lý theo hướng trình chủ sở hữu phương án tăng vốn, đồng thời đẩy mạnh thực hiện kế hoạch kinh doanh nhằm tăng doanh thu để đảm bảo giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định như được quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung cho Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã trình chủ sở hữu phương án tăng vốn như đã báo cáo và đang chờ để được chủ sở hữu phê duyệt.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

16. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

16.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	34.750.840.000	3.125.250.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	60.000.000.000	60.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	700.000	-
	94.751.540.000	63.125.250.000

16.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	4.150.000	10.000

16.3 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu	15.000.000	300.000

16.4 Tiền gửi nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	186.613.610	403.768.463
Của nhà đầu tư trong nước	24.386.579	22.962.145
Của nhà đầu tư nước ngoài	162.227.031	380.806.318
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	57.353.500	3.828.000
Của nhà đầu tư trong nước	-	3.828.000
Của nhà đầu tư nước ngoài	57.353.500	-
	243.967.110	407.596.463

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

16. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.5 Phải trả nhà đầu tư của công ty chứng khoán

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	239.732.770	403.362.123
Cửa nhà đầu tư trong nước	20.152.239	22.555.805
Cửa nhà đầu tư nước ngoài	219.580.531	380.806.318
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.234.340	4.234.340
	243.967.110	407.596.463

17. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức	12.500	-
Lãi tiền gửi	2.594.766.942	2.211.235.951
	2.594.779.442	2.211.235.951

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu phí tư vấn tìm đối tác tiềm năng cho khách hàng	2.061.363.636	-
Thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động công ty mục tiêu của khách hàng	556.940.407	-
Khác	40.144.388	-
	2.658.448.431	-

19. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao	1.374.328.500	993.928.210
Chi phí giao dịch chứng khoán	610.904.693	312.198.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.804.879	-
Chi phí nhân viên	353.380.800	-
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	<i>285.720.000</i>	<i>-</i>
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>67.660.800</i>	<i>-</i>
Chi phí khác	198.715.231	55.457.040
	2.916.134.103	1.361.584.116

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.804.880	-
Chi phí nhân viên	291.037.500	-
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	237.397.500	-
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	53.640.000	-
Chi phí khác	188.020.463	-
	857.862.843	-

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.021.468.104	3.389.038.282
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	5.798.810.104	3.064.421.282
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	222.658.000	324.617.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.813.590.383	4.385.305.361
Chi phí khấu hao TSCĐ	470.330.370	1.046.780.017
Chi phí công cụ, dụng cụ	37.071.407	140.949.996
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.971.200	3.933.643
Chi phí khác	339.806.618	56.240.345
	8.688.238.082	9.022.247.644

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu thu nhập thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Kỳ này</i> VND	<i>Kỳ trước</i> VND
Lỗ trước thuế	(7.240.494.889)	(8.129.849.270)
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	(1.448.098.978)	(1.625.969.854)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	35.140.911	-
- Lỗ tính thuế chưa ghi nhận	1.413.015.758	1.625.969.854
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Hoàn nhập dự phòng	(55.191)	-
- Cổ tức, lợi nhuận nhận được trong kỳ không chịu thuế	(2.500)	-
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	-	-

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép kết chuyển lỗ vào thu nhập của năm tiếp theo trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có lỗ lũy kế 32.881.673.559 đồng có thể cần trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế VND</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2017 VND</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2017 VND</i>
2012	2017	2.296.612.005	-	2.296.612.005
2013	2018	664.760.499	-	664.760.499
2014	2019	2.566.075.498	-	2.566.075.498
2015	2020	6.110.619.994	-	6.110.619.994
2016	2021	14.178.526.775	-	14.178.526.775
2017	2022	7.065.078.788	-	7.065.078.788
		32.881.673.559	-	32.881.673.559

Các khoản lỗ tính thuế trên được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế mang sang này do không thể chắc chắn sẽ có đầy đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng khoản lợi ích thuế này.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)	Công ty mẹ	Chi phí môi giới	15.034.853	20.881.488
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ	Thu lãi tiền gửi Chi phí dịch vụ	1.907.640.677 (470.000)	797.158.333 (1.266.000)
Ban lãnh đạo		Lương và thưởng	(3.583.882.083)	(1.507.723.979)

Tại thời điểm cuối kỳ, số dư với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)	Công ty mẹ	Phải trả ngắn hạn	(8.696.700)	(8.696.700)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ	Tiền gửi không kỳ hạn Tiền gửi có kỳ hạn Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	1.274.498.087 77.076.541.875 758.815.414	1.854.332.300 84.635.000.000 1.669.301.458

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê nhà cho nhân viên theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Đến 1 năm	3.995.070.000	2.393.782.500
Từ 1 đến 5 năm	285.672.500	1.246.070.000
	4.280.742.500	3.639.852.500

25. RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

25.1 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh 4* và *Thuyết minh 6*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 6 tháng VND	Từ 6 đến 12 tháng VND	Trên 1 năm VND	
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	97.079.939.183	-	-	-	-	97.079.939.183
Tài sản tài chính khác	2.291.102.232	-	-	-	-	2.291.102.232
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.023.259.861	-	-	-	-	1.023.259.861
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	289.723.179	-	-	-	-	289.723.179
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	965.767.500 12.351.692	-	-	-	-	965.767.500 12.351.692
Các khoản phải thu khác - gộp	99.371.041.415	-	-	-	-	99.371.041.415

25.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	3.397.308	97.076.541.875	-	-	97.079.939.183
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	97.076.541.875	-	-	97.076.541.875
Cổ phiếu niêm yết	-	3.397.308	-	-	-	3.397.308
Tài sản tài chính khác	-	-	1.451.334.732	839.767.500	-	2.291.102.232
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	1.023.259.861	-	-	1.023.259.861
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	289.723.179	-	-	289.723.179
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	126.000.000	839.767.500	-	965.767.500
Các khoản phải thu khác	-	-	12.351.692	-	-	12.351.692
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	3.446.477.361	-	-	-	3.446.477.361
Tổng cộng	-	3.449.874.669	98.527.876.607	839.767.500	-	102.817.518.776
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	5.677.412	-	-	-	5.677.412
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	14.720.000	-	-	-	14.720.000
Tổng cộng	-	20.397.412	-	-	-	20.397.412
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	3.429.477.257	98.527.876.607	839.767.500	-	102.797.121.364

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	VND <i>Quy đổi VND</i>	Đô la Mỹ <i>Quy đổi VND</i>	Tổng cộng <i>Quy đổi VND</i>
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.320.615.499	2.125.861.862	3.446.477.361
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	97.079.939.183	-	97.079.939.183
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.023.259.861	-	1.023.259.861
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	289.723.179	289.723.179
Các khoản phải thu khác - gộp	12.351.692	-	12.351.692
Chi phí trả trước ngắn hạn	394.139.588	-	394.139.588
Tài sản cố định	24.686.385.675	-	24.686.385.675
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	965.767.500	-	965.767.500
Chi phí trả trước dài hạn	38.462.467	-	38.462.467
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	250.075.058	-	250.075.058
Tổng tài sản	125.770.996.523	2.415.585.041	128.186.581.564
Nợ phải trả			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.677.412	-	5.677.412
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	691.567.252	-	691.567.252
Phải trả nội bộ ngắn hạn	8.696.700	-	8.696.700
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14.720.000	-	14.720.000
Tổng nợ phải trả	720.661.364	-	720.661.364
Tổng trạng thái tiền tệ nội bảng	125.050.335.159	2.415.585.041	127.465.920.200
Tổng trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-
Tổng trạng thái tiền tệ	125.050.335.159	2.415.585.041	127.465.920.200

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

25.4 *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Trong kỳ, Công ty thực hiện phân loại lại một số khoản mục thuộc số dư đầu kỳ để trình bày các khoản mục này một cách phù hợp hơn:

Trích từ báo cáo tình hình tài chính

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây) VND</i>	<i>Phân loại lại VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại) VND</i>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			
1. Tài sản tài chính			
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3.353.650	100.635.000.000	100.638.353.650
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	100.635.000.000	(100.635.000.000)	-

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (phân loại lại) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	248.740.799	(8.955.149.867)	(8.706.409.068)
Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	(75.071.851.793)	(8.955.149.867)	(84.027.001.660)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	8.955.149.867	8.955.149.867
Tiền từ hoạt động tài chính	-	8.955.149.867	8.955.149.867

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kang Sang In
Thừa ủy quyền theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017